TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **03**/2024/QĐST-KDTM	*Yên Dũng, ngày 26 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 74; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 365; Điều 368 Bộ luật dân sự 2015; Điều 7 Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2024/TLST-KDTM ngày 26 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng B, chức vụ: Trưởng Phòng xử lý nợ phản ứng nhanh Khách hàng cá nhân – Trung tâm thu hồi nợ KHCN.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Vũ Văn T, sinh năm 1988 – Là chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Tầng 4, số 28-30 Nguyễn Thị Minh Khai, Tòa nhà VPBank, thành phố Bắc Giang (Theo văn bản ủy quyền số số 385/2024/UQ-KHCN ngày 22/02/2024)

- *Người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP V*: Công ty cổ phần M; địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà V, số 9 D, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T, chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T, chức vụ: Trưởng Phòng xử lý nợ miền Bắc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1990 – Là chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Tầng 4, số 28-30 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang (Theo văn bản ủy quyền số số 525/2024/UQ-MARS.VPB ngày 18/6/2024)

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1977; cùng địa chỉ: thôn L, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc T: Ông Trần Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn L, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. (Theo hợp đồng ủy quyền số ngày 28/3/2024)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Trần Anh T, sinh năm 2002; địa chỉ: thôn L, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Tuấn A: Ông Trần Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn L, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. (Theo hợp đồng ủy quyền số ngày 01/4/2024)

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ: Tính đến ngày 19/6/2024, ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc T còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền 510.244.088đồng (*Năm trăm mười triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm tám mươi tám đồng)*, trong

đó nợ gốc 429.000.000đồng (*Bốn trăm hai mươi chín triệu đồng*) và số tiền lãi là 81.244.088 đồng (*Tám mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm tám mươi tám đồng*) theo các hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng cho vay hạn mức số LN2302138338548 ký ngày 27/02/2023 và Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số LN2303078559578 ký ngày 13/3/2023;

Tính đến ngày 19/6/2024, ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc T còn nợ Công ty cổ phần M tổng số tiền 4.628.980.785đồng (*Bốn tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu chín trăm tám mươi nghìn bẩy trăm tám mươi lăm đồng*), trong đó nợ gốc 3.861.000.000đồng và số tiền lãi là 767.980.785đồng (*Bẩy trăm sáu mươi bẩy triệu chín trăm tám mươi nghìn bẩy trăm tám mươi lăm đồng*) theo các hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng cho vay hạn mức số LN2302138338548 ký ngày 27/02/2023 và Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số LN2303078559578 ký ngày 13/3/2023.

2.2. Thời gian trả nợ:

+ Ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 510.244.088đồng (*Năm trăm mười triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm tám mươi tám đồng)* vào ngày 07/8/2024.

+ Ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho công ty cổ phần Mars số tiền 4.628.980.785đồng (*Bốn tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu chín trăm tám mươi nghìn bẩy trăm tám mươi lăm đồng*) vào ngày 07/8/2024.

Kể từ sau ngày hòa giải, ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc T phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho vay hạn mức số LN2302138338548 ký ngày 27/02/2023 và Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số LN2303078559578 ký ngày 13/3/2023 cho đến khi ông T, bà T tất toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M được quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số Theo Hợp đồng thế chấp số LN2302129338548/HĐTC ngày 24/02/2023 và Theo Hợp đồng thế chấp số LN2303078559578/HĐTC ngày 10/3/2023 để thu hồi nợ gồm:

+ Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 432, tờ bản đồ số 56, diện tích 462,8m2; địa chỉ: thôn Sơn Thượng, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 144112, số vào sổ cấp GCN: CS 01174 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 06/6/2022, cấp mang tên ông Trần Anh T, đăng ký biến động ngày 03/3/2023 cho ông Trần Văn T (Theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 02/2023TP/CC-SCC ngày 27/02/2023);

+ Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 433, tờ bản đồ số 56, diện tích 247,1m2; địa chỉ: thôn Sơn Thượng, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 144113, số vào sổ cấp GCN: CS 01175 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 06/6/2022, cấp mang tên ông Trần Anh T;

+ Tài sản 3: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 434, tờ bản đồ số 56, diện tích 242,0m2; địa chỉ: thôn Sơn Thượng, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 144114, số vào sổ cấp GCN: CS 01176 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 06/6/2022, cấp mang tên ông Trần Anh T;

+ Tài sản 4: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 435, tờ bản đồ số 56, diện tích 221,2m2; địa chỉ: thôn Sơn Thượng, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 144115, số vào sổ cấp GCN: CS 01173 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 06/6/2022, cấp mang tên ông Trần Anh T;

+ Tài sản 5: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 436, tờ bản đồ số 56, diện tích 215,8m2; địa chỉ: thôn Sơn Thượng, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 144116, số vào sổ cấp GCN:

CS 01172 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 06/6/2022, cấp mang tên ông Trần Anh T.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng V và Công ty cổ phần Ma thì ông T và bà T phải tiếp tục trả số nợ còn thiếu, nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp. Số tiền phát mại tài sản bảo đảm sẽ được Ngân hàng V và Công ty cổ phần M tự phân chia theo Tỷ lệ dư nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán nợ số 06/2024/VPB-MARS ký ngày 31/5/2024 giữa Ngân hàng TMCP V và công ty cổ phần M.

2.4. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án lập biên bản hòa giải thành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.5. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu phải chịu 1.500.000đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng được nhận lại số tiền 1.500.000đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) khi ông T và bà T nộp lại.

2.6. Về án phí: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 56.569.612đồng (*Năm mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm mười hai đồng*).

Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền 56.340.000đồng (*Năm mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005583 ngày 26/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi

hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Phạm Thị Thuỷ